TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1222/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nguyên;
2. Ông Nguyễn Thành Lộc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 814/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Như T, sinh năm: 1979

Thường trú: 47/18 đường A, khu phố S, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Lâm Thanh B. Sinh năm: 1973

Thường trú: 47/18 đường A, khu phố S, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2022 của bà Phạm Như T và bản tự khai của các bên đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Phạm Như T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Lâm Thanh B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01 ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường cãi vã nguyên nhân chính là do tính tình hai người không hợp nhau, không đồng quan điểm sống, trong quá trình sống chung ông B thiếu sự quan tâm vợ con, có hành vi bạo hành vợ. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Phạm Như B sinh ngày 14/7/2006, Nguyễn Phạm Thiên B sinh ngày 19/3/2008, Nguyễn Phạm Nam P sinh ngày 16/7/2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận;

Bị đơn ông Nguyễn Lâm Thanh B trình bày*:* Tại biên bản hòa giải ngày 07/6/2022, ông cho rằng vợ chồng chỉ xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, ông không bạo lực bà T. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, ông yêu cầu đoàn tụ.

- Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Phạm Như B sinh ngày 14/7/2006, Nguyễn Phạm Thiên B sinh ngày 19/3/2008, Nguyễn Phạm Nam P sinh ngày 16/7/2009. Ông đồng ý để bà T nuôi con chung. Ông yêu cầu tòa án không tiến hành lấy lời khai của con vì ông không tranh chấp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Như T là nguyên đơn trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu, vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn. Bà yêu cầu ly hôn, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Bà xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Lâm Thanh B trình bày: Ông đồng ý ly hôn, ông yêu cầu nuôi ba con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Ông xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tống đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng và đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa bà Phạm Như T và ông Nguyễn Lâm Thanh B là tranh chấp ly hôn. Xét bị đơn có nơi cư trú tại số 47/18 đường A, khu phố S, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Phạm Như T và ông Nguyễn Lâm Thanh B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01 ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên không thể tiếp tục chung sống, nguyên nhân phát sinh từ việc tính tình hai người không hợp nhau, không đồng quan điểm sống, trong quá trình sống chung ông B thiếu sự quan tâm vợ con, có hành vi bạo hành vợ. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Lâm Thanh B.

Theo kết quả xác minh của ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân cho biết " chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của bà Phạm Như T và ông Nguyễn Lâm Thanh B, vì vậy không có thông tin để cung cấp cho Tòa án".

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do đương sự cung cấp và lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của vợ chồng bà T ông B không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải nhưng các bên vẫn không có tiếng nói chung, không có thiện chí quay về đoàn tụ, bà T cho biết vợ chồng đã không còn tình cảm yêu thương nhau. Tòa án đã cho thời gian để các bên hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T ông B đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông B cũng đồng ý ly hôn với bà T. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Phạm Như B sinh ngày 14/7/2006, Nguyễn Phạm Thiên B sinh ngày 19/3/2008, Nguyễn Phạm Nam P sinh ngày 16/7/2009. Bà T yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Lâm Thanh B có yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 07/6/2022, ông B và Bà T thống nhất giao ba con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt

khác, nguyện vọng của ba con chung đều mong muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của trẻ và để hạn chế được phần nào về sự ảnh hưởng tiêu cực về tâm sinh lý của trẻ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy việc giao trẻ Nguyễn Phạm Như B, Nguyễn Phạm Thiên B, Nguyễn Phạm Nam P cho bà Phạm Như T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T ông B khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Bà Phạm Như T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0034168 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Như T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Như T và ông Nguyễn Lâm Thanh B thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01 ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Phạm Như B sinh ngày 14/7/2006, Nguyễn Phạm Thiên B sinh ngày 19/3/2008, Nguyễn Phạm Nam P sinh ngày 16/7/2009 cho bà Phạm Như T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Lâm Thanh B không cấp dưỡng nuôi con vì bà Phạm Như T không yêu cầu.

Bà T ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông B xin tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Như T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0034168 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-Viện kiểm sát cùng cấp;
-Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phi Yến